BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2781../QĐ-ĐHTM ngày 31.. tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại

Chương trình đào tạo:	Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) Logistics and Multimodal Transport Management (International Profession Oriented Program)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Mã ngành:	7510605
Chuyên ngành đào tạo:	Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức Logistics and Multimodal Transport Management
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt và Tiếng Anh

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) là chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, đào tạo cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong lĩnh vực Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức có kiến thức đa ngành, liên ngành kinh tế - kinh doanh và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực logistics và quản lý vận tải đa phương thức; có kỹ năng nghề nghiệp logistics và vận tải đa phương thức thành thục; sử dụng thành thạo tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế và có thể nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc mang tính quốc tế cao.

Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc ngay tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức quốc tế có hoạt động logistics và vận tải đa phương thức; các doanh nghiệp dịch vụ logistics lớn; các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực logistics và vận tải đa phương thức; các trường đại học, viện nghiên cứu có đào tạo và nghiên cứu về logistics và vận tải đa phương thức.

Người học sau khi tốt nghiệp có thể học phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh và học tập ở các bậc học cao hơn ngành logicstics và quản lý chuỗi cung ứng, kinh doanh quốc tế, kinh tế, quản trị kinh doanh tại các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

Người học CTĐT Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế được trang bị kiến thức đa ngành, liên ngành kinh tế - kinh doanh; trang bị kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và hiện đại về kinh doanh quốc tế nói chung và hoạt động logistics và vận tải đa phương thức nói riêng; có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức vào thực tiễn hoạt động tại doanh nghiệp dịch vụ logistics cũng như các doanh nghiệp sản xuất, thương mại trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế có các kỹ năng mềm, các kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cần thiết để phục vụ công việc; có kỹ năng tin học tốt, có khả năng sử dụng AI và các phần mềm chuyên ngành phổ biến trong thực hiện công việc; có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc và giao tiếp hàng ngày.

Cử nhân Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tinh thần chủ động sáng tạo trong công việc; có khả năng độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có tinh thần cầu thị và khả năng học tập suốt đời.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế, xã hội, kiến thức đa ngành và kiến thức chuyên ngành Logisitcs và Quản lý vận tải đa phương thức để thực hiện các công việc, bao gồm:

(PLO1): **Vận dụng** các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật vào hoạt động logistics và quản lý vận tải đa phương thức của doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia.

(PLO2): **Vận dụng** các kiến thức lý thuyết ngành và chuyên ngành về logistics và vận tải đa phương thức, các kiến thức về công nghệ số, khởi sự kinh doanh, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững vào việc tổ chức và thực hiện các hoạt động logistics và vận tải đa phương thức ở các doanh nghiệp/tổ chức/địa phương/quốc gia.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT chuyên ngành có kỹ năng chuyên nghiệp về Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức, bao gồm:

(PLO3): **Thành thạo** các công cụ và phương thức tìm kiếm thông tin về thị trường logistics, thị trường vận tải đa phương thức để **phân tích** chính xác các vấn đề liên quan đến logistics và vận tải đa phương thức của ngành/địa phương, tổ chức/doanh nghiệp;

(PLO4): **Áp dụng** thành thạo kỹ năng hoạch định, tổ chức, triển khai, đánh giá các chính sách, chương trình và kế hoạch logistics và vận tải đa phương thức của tổ chức/doanh nghiệp/địa phương/quốc gia thông qua các học phần thực hành thực tế nghề nghiệp.

(PLO5): **Áp dụng** thành thạo các kỹ năng mềm, các kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cần thiết để phục vụ công việc; có kỹ năng tin học tốt, có khả năng sử dụng AI và các phần mềm chuyên ngành phổ biến trong thực hiện công việc.

2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT chuyên ngành Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm như sau:

(PLO6): **Có năng lực** làm việc độc lập và khả năng hợp tác trong công việc; có khả năng tự chịu trách nhiệm đối với cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

(PLO7): **Có năng lực** tự tích luỹ và cập nhật kiến thức và kinh nghiệm, năng lực học tập suốt đời; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong công việc; có khả năng đánh giá, quản lý và phát triển nội dung số; có tư duy đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp.

(PLO8): **Nắm vững** đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc; khả năng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp, hội nhập, đa văn hóa, chuyển đổi số và cạnh tranh cao; có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.

2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO9): **Đạt chuẩn** Tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO10): **Đạt chuẩn** kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

4. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, người học phải đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trong trường hợp chưa đạt được trình độ bậc 2 tiếng Anh, người học sẽ phải học chương trình tiếng Anh bổ sung theo quy định của Trường

Ngoài đối tượng tuyển sinh là sinh viên Việt Nam, chương trình cũng hướng tới tuyển sinh các lưu học sinh Lào, Campuchia và các nước có quan tâm. Người học là người nước ngoài cần đảm bảo ngưỡng đầu vào của chương trình đào tạo và đảm bảo các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;
- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;
- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang http://dangky.tmu.edu.vn để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;
- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;
- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;
- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;
- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);
- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

6. Phương thức đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc	Ghi chú
1	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**			**48**		
1.1	**Giáo dục đại cương**			**37**		
1.1.1	***Các học phần bắt buộc***			***34***		
1	Triết học Mác - Lê Nin Phylosophy of Maxism – Leninism	MLNP0221	Tiếng Việt	3	36,18	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political economics of Maxism – Leninism	RLCP1211	Tiếng Việt	2	24,12	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh ideology	HCMI0111	Tiếng Việt	2	24,12	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	HCMI0611	Tiếng Việt	2	21,18	
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	HCMI0121	Tiếng Việt	2	24,12	
6	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	TLAW0111	Tiếng việt	2	24,12	
7	Tiếng Anh tăng cường 1.1 Intensive English 1.1	ENPR7011	Tiếng Anh	4	48,24	
8	Tiếng Anh tăng cường 1.2 Intensive English 1.2	ENPR7111	Tiếng Anh	4	48,24	
9	Tiếng Anh nâng cao 1.1 Advanced English 1.1	ENTI3111	Tiếng Anh	5	60,30	
10	Tiếng Anh nâng cao 1.2 Advanced English 1.2	ENTI3211	Tiếng Anh	5	60,30	
11	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản Information Technology Foundation	INFO3511	Tiếng Việt	3	36,18	
1.1.2	***Các học phần tự chọn***			***3***		
	Chọn 03 TC trong các HP sau:					
1	Kinh tế lượng Econometrics	AMAT0411	Tiếng Việt	3	36,18	

2	Giao tiếp trong kinh doanh Communication in business	EPIN0111	Tiếng Việt	3	0,90	
1.2	**Giáo dục thể chất**			**3**		
1.2.1	***Các học phần bắt buộc***			***1***		
	Giáo dục thể chất chung Physical Education	GDTC1611	Tiếng Việt	1	12,18	
1.2.2	***Các học phần tự chọn***			***2***		
	Chọn 02 TC trong các HP sau:					
1	Cầu lông Badminton	GDTC0521	Tiếng Việt	1	12,18	
2	Bóng chuyền Volleyball	GDTC0621	Tiếng Việt	1	12,18	
3	Bóng ném Handball	GDTC0721	Tiếng Việt	1	12,18	
4	Bóng bàn Table tennis	GDTC1621	Tiếng Việt	1	12,18	
5	Cờ vua Chess	GDTC1721	Tiếng Việt	1	12,18	
6	Bóng rổ Basketball	GDTC0821	Tiếng Việt	1	12,18	
7	Cờ vua Chess	GDTC0921	Tiếng Việt	2	24,36	
8	Thể dục thẩm mỹ 1 Gymnastic 1	GDTC1811	Tiếng Việt	1	12,18	
9	Thể dục thẩm mỹ 2 Gymnastic 2	GDTC1911	Tiếng Việt	1	12,18	
1.3	**Giáo dục Quốc phòng - An ninh** **Military Education**			**8**		
2	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**			**83**		
2.1	**Kiến thức liên ngành**			**43**		
2.1.1	***Các học phần bắt buộc***			***28***		
1	Kinh tế học Economics	MIEC1031	Tiếng Anh	3	36,18	
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh Digital transformation in business	PCOM1111	Tiếng Việt	2	24, 12	
3	Thực tập nghề nghiệp Internship	KDQT1661	Tiếng Việt	2	0,60	
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh Artificial intelligence for business	INFO6011	Tiếng Việt	3	15,60	
5	Quản trị học Fundamentals of management	BMGM0531	Tiếng Anh	3	36,18	

6	Marketing căn bản Principles of marketing	BMKT3231	Tiếng Anh	3	36,18	
7	Nguyên lý quản trị nhân lực Principles of human resource management	HRMG2531	Tiếng Anh	3	36,18	
8	Nguyên lý kế toán Principles of accounting	ACCP0231	Tiếng Anh	3	36,18	
9	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính Money, banking and financial market	EFIN2812	Tiếng Anh	3	36,18	
10	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	EPIN0211	Tiếng Việt	3	36,18	
2.1.2	***Các học phần tự chọn***			***15***		
	Chọn 15 TC trong các HP sau:					
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research methodology	SCRE0211	Tiếng Việt	3	36,18	
2	Quản trị dịch vụ Service management	TEMG2911	Tiếng Việt	3	36,18	
3	Pháp luật về vận tải hàng hoá quốc tế Law on international transport of goods	BLAW4111	Tiếng Việt	3	36,18	
4	Kinh doanh quốc tế International Business	ITOM1311	Tiếng Việt	3	36,18	
5	Lý thuyết kinh tế số Digital economy theory	DECO1011	Tiếng Việt	3	36,18	
6	Kinh tế vận tải Transport economics	FECO3011	Tiếng Việt	3	36,18	
7	ICT trong Logistics và giao nhận vận tải ICT in Logistics and Freight Transport	BLOG3811	Tiếng Việt	3	36,18	
8	Quản trị chuỗi cung ứng Supply chain management	BLOG1721	Tiếng Việt	3	36,18	
9	Đầu tư quốc tế International investment	FECO2411	Tiếng Việt	3	36,18	
10	Quản lý kho và trung tâm phân phối Warehouse and distribution center	BLOG3031	Tiếng Việt	3	36,18	
2.2	**Kiến thức ngành**			**15**		
2.2.1	***Các học phần bắt buộc***			***9***		
1	Quản trị logistics kinh doanh Business logistics management	BLOG1531	Tiếng Anh	3	36,18	
2	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế International trade operation management	ITOM2531	Tiếng Anh	3	36,18	

3	Thực hành nghề nghiệp kinh doanh dịch vụ Logistics Professional practice in logistics services provider	KDQT1861	Tiếng Việt	3	0,90	
2.2.2	***Các học phần tự chọn***					
	Chọn 6 TC trong các HP sau:			***6***		
1	Logistics quốc tế International logistics	BLOG3051	Tiếng Việt	3	36,18	
2	Logistics trong thương mại điện tử Logistics for e-commerce	BLOG3111	Tiếng Việt	3	36,18	
3	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế International Forwarding and Transportation Management	ITOM1511	Tiếng Việt	3	36,18	
4	Đàm phán thương mại quốc tế International trade negotiation	ITOM2231	Tiếng Anh	3	36,18	
2.3	**Kiến thức chuyên ngành**			**15**		
1	Địa lý và Hạ tầng vận tải Geography and transport infrastructure	BLOG3711	Tiếng Việt	3	36,18	
2	Nghiệp vụ hải quan Customs practice	ITOM1721	Tiếng Việt	3	36,18	
3	Quản lý vận tải đa phương thức Multimodal Transportation Management	BLOG3911	Tiếng Việt	3	36,18	
4	Tổ chức xếp dỡ hàng hóa Cargo Handling	BLOG4031	Tiếng Anh	3	36,18	
5	Thực hành nghề nghiệp Quản lý vận tải đa phương thức Professional practice in Multimodal Transportation Management	KDQT1761	Tiếng Việt	3	0,90	
2.4	**Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học**			**10**		
1	Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm Intership project report	REPE2511	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	3	0,90	
2	Thực tập và viết luận văn tốt nghiệp Graduation thesis	LVVE2611	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	7	0,210	

Ghi chú:

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ, bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 96 tín chỉ học phần bắt buộc (80%), 24TC HP tự chọn (20%) và 11TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh. CTĐT có 30 tín chỉ HP chuyên môn giảng dạy bằng tiếng Anh (36.2%) trong tổng số tín chỉ Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.

7.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	KỲ HỌC	HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Kỳ 1	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	3
		GDTC	1
2	Kỳ 2	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	6
		GDTC	1
	Kỳ hè năm thứ nhất	GDQP-AN	8
3	Kỳ 3	Kiến thức giáo dục đại cương	6
		Kiến thức liên ngành	9
		GDTC	1
4	Kỳ 4	Kiến thức giáo dục đại cương	7
		Kiến thức liên ngành	11
5	Kỳ 5	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	3
6	Kỳ 6	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	3
		Kiến thức chuyên ngành	3
7	Kỳ 7	Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	9
8	Kỳ 8	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10
	Tổng cộng		**131**

Lưu ý:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch thực hiện CTĐT;

- Các học phần thực hành/thực tế có thể được tổ chức học tập vào kỳ hè năm thứ 2, năm thứ 3;

- Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG	VIỆN TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	
PGS, TS. Nguyễn Hoàng	PGS, TS. Nguyễn Duy Đạt

PHỤ LỤC 1

MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐHCSNNQT LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

1 KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1.1 Giáo dục đại cương

1.1.1 Các học phần bắt buộc

1 Triết học Mác - Lê Nin (Phylosophy of Maxism – Leninism) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

2 Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (Political economics of Maxism – Leninism) -Tiếng Việt- 2TC (24,12)

- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới
- Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung.
- Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam.
- Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.

3 Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh ideology) HCMI0111 -Tiếng Việt- 2TC (24,12)

Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.

Bồi dưỡng, củng cố lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, thông qua môn học nâng cao lòng yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường; đạo đức cách mạng và tinh thần phục vụ nhân dân; cải tiến phương pháp và phong cách công tác, đổi mới và sáng tạo trong hoạt động thực tiễn, góp phần đưa sự nghiệp đổi mới của Đảng và dân tộc đi đến thắng lợi.

4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party) -Tiếng Việt- 2TC (21,18)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận

thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.

Giúp sinh viên hiểu được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ sở hình thành và nội dung đường lối của Đảng; cũng như quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối đó từ thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến thời kỳ cách mạng XHCN. Củng cố và phát triển cho sinh viên năng lực tư duy lịch sử, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào lý giải các vấn đề thực tiễn. Bồi dưỡng niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

5 Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism) -Tiếng Việt- 2TC (24,12)

Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

6 Pháp luật đại cương (Introduction to Laws) -Tiếng việt- 2TC (24,12)

Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hành chính và Luật phòng chống tham nhũng

7 Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1) -Tiếng Anh- 4TC (48,24)

Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng xoay quanh sáu chủ đề các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B2. Học phần cũng giúp người học vận dụng các công cụ số để nghiên cứu, thảo luận và cập nhật kiến thức. Đồng thời, học phần phát triển năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và bảo vệ quan điểm chuyên môn theo phương thức trực tiếp và trên các nền tảng số. Từ đó, người học có thể ứng dụng kiến thức đã học vào giao tiếp kinh doanh thương mại và công việc sau này.

8 Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2) -Tiếng Anh- 4TC (48,24)

Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng xoay quanh sáu chủ đề tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B2. Học phần cũng giúp người học vận dụng các công cụ số để nghiên cứu, thảo luận và cập nhật kiến thức. Đồng thời, học phần phát triển năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm và bảo vệ quan điểm chuyên môn theo phương thức trực tiếp và trên các nền tảng số. Từ đó, người học có thể ứng dụng kiến thức đã học vào giao tiếp kinh doanh thương mại và công việc sau này.

9 Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1) -Tiếng Anh- 5TC (60,30)

Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1+, tạo nền tảng để sinh viên có thể học học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai; biết vận dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) để tự học, thuyết trình và cập nhật kiến thức.

10 Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2) -Tiếng Anh- 5TC (60,30)

Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B2, tạo nền tảng để sinh viên có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai; biết vận dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) để tự học, thuyết trình và cập nhật kiến thức.

11 Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (Information Technology Foundation) - Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập.

+ CO1 (Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về CNTT theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT và đạt một số chuẩn về khung năng lực số cho người học (mức 5). Cụ thể về kiến thức bao gồm: Máy tính và sử dụng máy tính; Mạng và an toàn thông tin trên mạng; Sáng tạo nội dung số (soạn thảo văn bản; trình chiếu; tổ chức và xử lý dữ liệu số); Ngoài ra sinh viên còn nắm được các kiến thức về tương tác, chia sẻ và cộng tác trên môi trường số.

+ CO2 (Kỹ năng): Sinh viên có khả năng vận dụng một số thao tác cơ bản và nâng cao trong sáng tạo nội dung số, tổ chức và xử lý dữ liệu số, phân tích dữ liệu, tổng hợp, thống kê, trình diễn dữ liệu, chia sẻ và cộng tác,..

+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, tự chịu trách nhiệm. nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội

1.1.2 Các học phần tự chọn

1 Kinh tế lượng (Econometrics) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kĩ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kĩ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kĩ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kĩ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc bổ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, …

2 Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business) -Tiếng Việt- 3TC (0,90)

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh như: kỹ năng giao tiếp trực tiếp, kỹ năng giao tiếp gián tiếp, kỹ năng thương lượng và thuyết phục, kỹ năng giao tiếp nội bộ và giao tiếp với bên ngoài tổ chức, kỹ năng giao tiếp với khách hàng. Trên cơ sở những kiến thức và kỹ năng được học, người học sẽ nhận thức rõ tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh, có thể tự đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của mình trong giao tiếp để tìm ra giải pháp hoàn thiện bản thân đặc biệt khi giao tiếp trong môi trường kinh doanh. Qua đó, người học có thể tự tin hơn khi đối mặt với những tình huống khó khăn trong thực tiễn của hoạt động giao tiếp kinh doanh và xử lý tốt các tình huống đó. Hình thành thái độ tích cực, lịch sự trong giao tiếp đối với người học.

1.2 Giáo dục thể chất

1.2.1 Các học phần bắt buộc

1 Giáo dục thể chất chung (Physical Education) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên lựa chọn cho mình phương pháp rèn luyện thể chất phù hợp nhằm tăng cường

sức khỏe, nâng cao thể lực, phòng ngừa các chấn thương trong tập luyện. Biết sử dụng công cụ số để hỗ trợ hiệu quả tập luyện.

1.2.2 Các học phần tự chọn

1 Cầu lông (Badminton) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

Trang bị một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về môn Cầu lông, từ đó sinh viên có thể sử dụng làm phương tiện rèn luyện thân thể hoặc để có thể chơi được môn Cầu lông, cải thiện cuộc sống tinh thần.Đồng thời sử dụng các công cụ số nhằm cải thiện kỹ thuật và chiến thuật trong tập luyện.

2 Bóng chuyền (Volleyball) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

Trang bị kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền, biết cách sử dụng công cụ số để hỗ trợ học tập, theo dõi và tối ưu hóa quá trình tập luyện của người học.

3 Bóng ném (Handball) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

- Trang bị cho người học một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về môn Bóng ném, biết cách ứng dụng các công cụ số để hỗ trợ học tập, theo dõi và tối ưu hóa quá trình tập luyện.

4 Bóng bàn (Table tennis) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

Trang bị một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về môn Bóng bàn; đồng thời phát triển năng lực số thông qua việc vận dụng công nghệ và các công cụ AI để phân tích, lập kế hoạch và tối ưu hóa quá trình rèn luyện kỹ thuật, từ đó sinh viên có thể sử dụng làm phương tiện rèn luyện thân thể

5 Cờ vua (Chess) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Cờ vua.
- Giúp người học biết thi đấu 1 ván cờ, giải thế cờ chiếu hết Vua đối phương bằng 1 nước và 2 nước đi. Giáo dục tính tổ chức kỉ luật, kiên cường, bình tĩnh, luyện mưu trí, óc sáng tạo, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống.

6 Bóng rổ (Basketball) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

- Trang bị cho người học một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về môn Bóng rổ, biết cách ứng dụng các công cụ số để hỗ trợ học tập, theo dõi và tối ưu hóa quá trình tập luyện.

7 Cờ vua (Chess) -Tiếng Việt- 2TC (24,36)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn học Cờ vua. Hiểu biết về lịch sử, ý nghĩa, vai trò của môn cờ vua. Phát triển tư duy logic khả năng phân tích, tính kỷ luật, trung thực, tinh thần thể thao lành mạnh

8 Thể dục thẩm mỹ 1 (Gymnastic 1) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

Học phần nhằm giúp cho người học nắm được các phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục thẩm mỹ, đơn giản dễ thực hiện và tự tập luyện cho bản thân, đồng thời giúp cho người học nắm được các phương pháp tự tập luyện xây dựng và phát triển thể hình cân đối và tăng cường thể lực.Đồng thời sử dụng các công cụ số nhằm đánh giá kết quả tập luyện, cũng như tạo hiệu quả cao trọng việc tập luyện.

9 Thể dục thẩm mỹ 2 (Gymnastic 2) -Tiếng Việt- 1TC (12,18)

Giúp cho người học có phương pháp tập luyện các bài tập đòi hỏi thể lực, tính linh hoạt, nhanh nhẹn, sự phối hợp cân bằng, uyển chuyển. Biết cách sử dụng các công cụ số để theo dõi ,hỗ trợ và xây dựng các bài tập phù hợp,tăng hiệu quả trong việc tập luyện.

1.3 Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Military Education) -- 8TC

2 KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

2.1 Kiến thức liên ngành

2.1.1 Các học phần bắt buộc

1 Kinh tế học (Economics) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

Overall objective: The course provides students with basic knowledge of economics to help students understand its basic principles when making optimal economic decisions in conditions of scarcity of resources, and then apply knowledge to analyze and predict the behavior of households, businesses and government interventions in the market economy. The course also equips students with basic knowledge of macroeconomics so that students can understand basic macroeconomic variables and the impact of macroeconomic policies on the operation of the economy.

Specific objectives: With the microeconomic approach, students can access and understand the operating mechanism of the market in the formation of equilibrium prices and output; foundations and ways of making optimal decisions by buyers (demand), sellers, producers; mechanism for allocating limited resources to different uses. With the macroeconomic approach, students can access and understand the principles of national income accounting, factors affecting output, employment, prices, interest rates, as well as principles of the business cycle. In addition, students can understand and analyze the impact of a number of macroeconomic policies with the focus on fiscal and monetary policy.

2 Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital transformation in business) -Tiếng Việt- 2TC (24, 12)

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

+ Kiến thức: Cung cấp những kiến thức về chuyển đổi số trong kinh doanh như khái niệm, lợi ích và trở ngại, các giai đoạn và quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hạ tầng chuyển đổi số; đồng thời, giúp người học hiểu rõ ý nghĩa, đánh giá sự cần thiết, khả năng chuyển đổi số trong kinh doanh của các doanh nghiệp và chuẩn mực hành vi, quy tắc giao tiếp trong môi trường số.

+ Kỹ năng: Giúp người học hình thành ban đầu các kỹ năng phân tích và đánh giá các giai đoạn và quá trình chuyển đổi số nhằm thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế số; đánh giá các vấn đề kỹ thuật, xác định nhu cầu và sử dụng các công nghệ số.

+ Thái độ: Có ý thức học tập, tư duy sáng tạo, và nghị lực để hoàn thành tốt công việc; có văn hóa và đạo đức nghề nghiệp dựa trên chuẩn mực hành vi và tương tác trong môi trường số; có ý thức kỷ luật, chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

3 Thực tập nghề nghiệp (Internship) -Tiếng Việt- 2TC (0,60)

Học phần Thực tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức liên ngành của CTĐT Định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế, thuộc Viện Kinh doanh quốc tế và Logistics. Đây là học phần mà sinh viên sẽ thực hiện tại doanh nghiệp và năm thứ hai. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: Vận dụng kiến thức quản trị học và khởi sự kinh doanh để tìm hiểu về quá trình hình thành, phát triển của doanh nghiệp/tổ chức, tìm hiểu về lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp/tổ chức, nguồn lực và các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp/tổ chức như: marketing, nhân lực, kế toán, tài chính của doanh nghiệp... Hiểu về các vị

trí nghề nghiệp logistics và xuất nhập khẩu tại một doanh nghiệp/tổ chức; chức năng, nhiệm vụ của vị trí nghề nghiệp đó; các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng đối với nhân lực làm việc tại từng vị trí nghề nghiệp.

4 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (Artificial intelligence for business) - Tiếng Việt- 3TC (15,60)

Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kĩ năng cơ bản về ứng dụng trí tuệ nhân tạo căn bản dùng trong các hoạt động học tập, nghiên cứu, và nghề nghiệp.

- Mục tiêu cụ thể:

+ CO1 (Kiến thức): Hiểu được các kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo (AI), các kỹ thuật cơ bản trong trí tuệ nhân tạo bao gồm học máy, học sâu, dữ liệu lớn (Big data),... và nguyên tắc có trách nhiệm, đạo đức phù hợp với mục đích và hoàn cảnh.

+ CO2 (Kỹ năng): Có khả năng vận dụng một số công nghệ của trí tuệ nhân tạo như: trực quan hóa dữ liệu, đặt yêu cầu hỗ trợ (prompt), xây dựng ý tưởng, và xây dựng chatbot cho việc ứng dụng AI phục vụ cho mục đích của bản thân và nghề nghiệp.

+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên chủ động tương tác với AI, sáng tạo; ý thức trách nhiệm trong ứng dụng AI trong học tập và nghiên cứu.

5 Quản trị học (Fundamentals of management) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

The course focuses on providing learners with fundamental knowledge of management, especially management in companies. It also develops management skills for the learners and allows them to form the ability to work independently and in groups.

6 Marketing căn bản (Principles of marketing) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

General objective: Understanding the principles of marketing, having practical capacity in processing marketing activities in integrated and changing environment.

Target objective: Having skills, knowledge, self-control ability and positive working attitude in practicing marketing activities in target market of the organization.

- CO1: Knowledge and skills + CLO1.1: Understanding the basic concepts of marketing and modern marketing mindset. + CLO1.2: Having knowledge about marketing environment, market and target market, organization's customer behavior. + CLO1.3: Having knowledge about marketing-mix and organization's marketing strategies such as market, product, price, distribution, communication. + CLO1.4: Expanding marketing theory to commercial and service sector, such as bank services, financial services, tourist services, hotel services; catching up on new marketing trends such as customer relationship marketing, digital marketing.

- CO2: Degree of autonomy and responsibilities: + CO2.1: Forming the right awareness and opinion about the meaning and importance of marketing in the organization.+ CO2.2: Forming the sense of learning, updating, and applying marketing knowledge into practical activities and future career.

7 Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of human resource management) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

This course equips learners with fundamental knowledge and professional skills in human resource management, complemented by complementary skills. It also fosters proactivity, scientific thinking, professional ethics, and self -regulation. Through this foundation, students are enabled to meet the output standards, be able to study, improve their post-graduation level and enhance their employability in fields relevant to their expertise.

8 Nguyên lý kế toán (Principles of accounting) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

Training students to understand practical knowledge, modern theoretical knowledge of accounting principles; understand specific problem-solving skills in the field of accounting expertise in accounting units; have critical and creative thinking, know how to work independently and in groups, respect accounting ethics as a basis for solving accounting professional problems in accordance with the context of international integration and technological changes.

9 Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, banking and financial market) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

Provide learners with fundamental knowledge of monetary finance, banking, and financial markets as a foundation for studying specialized subjects in finance, banking, economics, accounting – auditing, business administration, and commerce. Additionally, it creates opportunities for learners to apply professional knowledge, practical knowledge, and digital tools to develop skills and problem-solving methods in general issues related to monetary economics, banking, and financial markets in the economy.

10 Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.

2.1.2 Các học phần tự chọn

1 Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific research methodology) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc an toàn, bảo mật trong môi trường số. Sinh viên có kĩ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các công nghệ số. Đồng thời, sinh viên biết cách ứng dụng AI có đạo đức và trách nhiệm nhằm khai thác dữ liệu và thông tin, nhận diện, giải thích và vận dụng được các lý thuyết kinh tế số trong thực tiễn.

2 Quản trị dịch vụ (Service management) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

- Mục tiêu chung: Học phần trang bị cho sinh viên các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ. Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các nguồn lực của doanh nghiệp dịch vụ, đồng thời có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất, áp dụng giải pháp và ứng dụng AI để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh dịch vụ, thể hiện được trách nhiệm đối với doanh nghiệp, đối với cộng đồng và xã hội.

- Mục tiêu cụ thể: + Sinh viên phân tích được các nguyên lý về lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp dịch vụ + Sinh viên có khả năng xây dựng kế hoạch, triển khai và đánh giá các nguồn lực trong doanh nghiệp dịch vụ + Sinh viên có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất, áp dụng giải pháp và ứng dụng AI để giải quyết các vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp dịch vụ + Sinh viên có ý thức tuân thủ nội quy, quy định trong công việc, các chuẩn mực đạo đức, văn hóa kinh doanh và thể hiện được trách nhiệm đối với doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội.

3 Pháp luật về vận tải hàng hoá quốc tế (Law on international transport of goods) - Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng nhằm phân tích, đánh giá được quy định của pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế và giải quyết được những vấn đề pháp lý phát sinh từ các hoạt động vận tải hàng hóa đang được sử dụng phổ biến trong hệ thống thương mại quốc tế hiện nay.

4 Kinh doanh quốc tế (International Business) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, động cơ tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế, bối cảnh của hoạt động kinh doanh quốc tế và các yếu tố thuộc môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa - xã hội, tự nhiên, công nghệ tới hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường, chiến lược kinh doanh quốc tế và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, quản trị marketing quốc tế, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số vấn đề về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế.

Bên cạnh đó, sinh viên cũng sẽ được trang bị kỹ năng trong việc đánh giá tác động của môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh quốc tế, kỹ năng lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường, xây dựng chiến lược kinh doanh quốc tế và những kỹ năng mềm khác như kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, thảo luận.

5 Lý thuyết kinh tế số (Digital economy theory) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức lý thuyết nền tảng về kinh tế số. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng: Giải thích được các khái niệm cơ bản có liên quan đến kinh tế số, nền kinh tế số, hệ sinh thái nền kinh tế số; Giải thích và vận dụng được một số nguyên lý cơ bản của kinh tế số; đặc điểm của các thị trường số như thương mại điện tử, dịch vụ thông tin, thị trường truy cập mạng; Vận dụng được các lý thuyết về hiệu ứng mạng, nền tảng đa phương, một số mô hình định lượng trong kinh tế số nhằm giải thích các hiện tượng kinh tế số trong thực tiễn. Đồng thời, học phần rèn luyện năng lực tư duy phân tích, phản biện và vận dụng kiến thức vào nghiên cứu hoặc thực hành trong lĩnh vực kinh tế số. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học có thái độ làm việc tích cực, có kĩ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các công nghệ số. Đồng thời, người học biết cách ứng dụng AI có đạo đức và trách nhiệm nhằm khai thác dữ liệu và thông tin, nhận diện, giải thích và vận dụng được các lý thuyết kinh tế số trong thực tiễn.

6 Kinh tế vận tải (Transport economics) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung: Sinh viên sau khi học xong học phần này được trang bị những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản về hoạt động vận tải trong nền kinh tế và tại doanh nghiệp. Giúp người học nắm rõ bản chất, vai trò, của hệ thống vận tải và các vấn đề kinh tế trong quản lý vận tải như cung, cầu, cấu trúc thị trường, chi phí và định giá,các chính sách điều tiết; từ đó có khả năng vận dụng tốt các nguyên lý kinh tế trong quản lý hoạt động vận tải.

Mục tiêu cụ thể: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của kinh tế vận tải.; Đảm bảo sinh viên có thể ứng dụng kiến thức lý thuyết để phân tích các chỉ tiêu kinh tế trong hoạt động vận tải.; Đảm bảo hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm, đáp ứng chuẩn mực đạo đức cần thiết trong công tác quản lý vận tải.

7 ICT trong Logistics và giao nhận vận tải (ICT in Logistics and Freight Transport) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung: Sinh viên được trang bị những kiến thức và nguyên lý cơ bản về công nghệ ứng dụng cho logistics và giao nhận vận tải trong bối cảnh kinh doanh hiện tại và xu hướng phát triển trong tương lai, những ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo AI, Blockchain trong hoạt động logistics và giao nhận vận tải, làm cơ sở cho việc phát hiện và tìm ra các giải pháp cho các vấn đề cụ thể trong logistics và giao nhận vận tải.

Mục tiêu cụ thể

Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung và các nguyên lý của công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong logistics và giao nhận vận tải.

Sinh viên có thể ứng dụng kiến thức lý thuyết để phân tích và triển khai các quy trình tác nghiệp, ứng dụng công nghệ, số hóa trong quá trình vận hành logistics và giao nhận vận tải.

Sinh viên rèn luyện để có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm nói chung và trong quá trình tác nghiệp logistics và giao nhận vận tải.

8 Quản trị chuỗi cung ứng (Supply chain management) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và các nguyên tắc quản lý chuỗi cung ứng trong bối cảnh kinh doanh đương đại và xu hướng phát triển tương lai, giúp sinh viên khám phá và xác định giải pháp cho các vấn đề cụ thể trong chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp.

Mục tiêu cụ thể: - Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung và các quyết định của quản lý chuỗi cung ứng. ; - Sinh viên có thể vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích và triển khai các quy trình vận hành trong chuỗi cung ứng.; - Sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm nói chung và trong quản lý chuỗi cung ứng nói riêng.

9 Đầu tư quốc tế (International investment) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Trang bị cho người học kiến thức về bản chất, đặc điểm và các hình thức hoạt động của Đầu tư Quốc tế. Học phần này giúp người học hiểu được các yếu tố quyết định dòng vốn đầu tư quốc tế; hiểu được tác động của đầu tư quốc tế đến nền kinh tế thế giới và các quốc gia tham gia đầu tư, đặc biệt là đối với Việt Nam.

+ Kiến thức: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư quốc tế, thông qua việc tìm hiểu các hình thức đầu tư quốc tế cơ bản bao gồm ODA, FDI và FPI; mua bán, sáp nhập xuyên biên giới; xúc tiến đầu tư nước ngoài.

+ Kỹ năng: Giúp người học phân tích, đánh giá ưu, nhược điểm của từng loại hình đầu tư, cách thức tiến hành các hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài và nâng cao năng lực tư vấn về chiến lược chính sách và hoạt động xúc tiến đầu tư quốc tế cho quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

+ Thái độ: Người học có khả năng sử dụng công nghệ số/AI để thu thập, xử lý và phân tích thông tin dữ liệu; đánh giá ưu, nhược điểm của từng hình thức đầu tư, cách thức tiến hành các hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài và cuối cùng có khả năng tư vấn về chiến lược chính sách và hoạt động xúc tiến đầu tư quốc tế cho các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

10 Quản lý kho và trung tâm phân phối (Warehouse and distribution center) -Tiếng Việt - 3TC (36,18)

Mục tiêu chung: Sinh viên sau khi học xong học phần này sẽ có được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý kho và trung tâm phân phối trong chuỗi cung ứng; có khả năng thực hành các biện pháp về quản lý kho và trung tâm phân phối trong thực tế; có đầy đủ các kỹ

năng cần thiết để làm việc ở bộ phận quản lý và vận hành nhà kho và trung tâm phân phối tại các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng hoặc các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kho và phân phối hàng hóa.

Mục tiêu cụ thể: Cung cấp kiến thức căn bản, cập nhật và mở rộng về hoạt động phân phối và mạng lưới phân phối trong chuỗi cung ứng. Đảm bảo kiến thức chuyên sâu và kiến thức thực tiễn về quản lý kho và trung tâm phân phối. ; Sinh viên có kỹ năng phân tích và triển khai các quyết định, quy trình tác nghiệp trong quản lý kho và trung tâm phân phối. ; Đảm bảo hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm nói chung và trong công tác quản lý kho và trung tâm phân phối nói riêng.

2.2 Kiến thức ngành

2.2.1 Các học phần bắt buộc

1 Quản trị logistics kinh doanh (Business logistics management) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung : Sinh viên sau khi học xong học phần này được trang bị những kiến thức lý luận và thực tiễn về hoạt động quản trị logistics tại doanh nghiệp. Giúp người học nắm rõ bản chất, vai trò và nội dung của hệ thống logistics và các quá trình quản trị logistics chức năng tại các doanh nghiệp; từ đó có khả năng vận dụng tốt các nguyên lý quản trị logistics trong thực tiễn.

Mục tiêu cụ thể: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung và các quyết định của quản trị logistics kinh doanh.; Đảm bảo sinh viên có thể ứng dụng kiến thức lý thuyết để lập kế hoạch và triển khai các hoạt động logistics tầm chiến lược, chiến thuật và tác nghiệp.; Đảm bảo hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm, đáp ứng chuẩn mực đạo đức cần thiết trong công tác quản trị logistics

2 Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế (International trade operation management) -Tiếng Anh- 3 TC (36,18)

This course equips learners with comprehensive knowledge, skills, and competencies to manage operational activities in international trade, including: Understanding and applying principles, conditions, and methods of international transactions in the context of global integration; Mastering the process of transaction – negotiation – conclusion – and execution of international trade contracts; Analyzing, identifying, and responding to international trade risks through modern measurement and management tools; Developing critical thinking, teamwork, and decision-making skills in the digital trade environment; Enhancing digital competence and AI literacy in simulating, analyzing, and supporting the processes of negotiation, contract signing, and international trade management.

3 Thực hành nghề nghiệp kinh doanh dịch vụ Logistics (Professional practice in logistics services provider) - Tiếng Việt - 3TC (0,90)

Mục tiêu chung: Học phần Thực tập nghề nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics nhằm giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực logistics và quản lý vận tải đa phương thức. Thông qua quá trình đào tạo thực tập tại trường của các đơn vị là doanh nghiệp, sinh viên được trải nghiệm các hoạt động nghiệp vụ thực tiễn, từ đó hình thành năng lực nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức: Sinh viên hiểu rõ cơ cấu tổ chức, quy trình và hoạt động thực tế của doanh nghiệp trong các lĩnh vực logistics, vận tải đa phương thức, giao nhận, kho bãi, xuất nhập khẩu và dịch vụ logistics. Sinh viên có khả năng liên hệ, phân tích và vận dụng kiến thức chuyên môn về logistics, vận tải, quản trị chuỗi cung ứng, và quản lý kho bãi vào tình huống thực tế tại doanh nghiệp. Nhận biết được vai trò, mối quan hệ giữa các bộ phận trong chuỗi cung ứng và tác động của các hoạt động logistics đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp..

Kỹ năng: Hình thành năng lực phát hiện, phân tích và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề phát sinh trong hoạt động logistics và vận tải. Nâng cao kỹ năng quan sát, thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin phục vụ cho phân tích thực tiễn và viết báo cáo thực tập.

Mức tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp; có trách nhiệm đối với công việc, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc; có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

2.2.2 Các học phần tự chọn

1 Logistics quốc tế (International logistics) -Tiếng Việt- 3 TC (36,18)

Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần Logistics quốc tế sinh viên sẽ có được những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hoạt động logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Cho phép sinh viên có thể tham gia thực hiện các nhiệm vụ về logistics và chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế cũng như tại các doanh nghiệp logistics trên thị trường quốc tế.

Mục tiêu cụ thể: + Cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế với các điểm nút trọng yếu, làm rõ những thay đổi cơ bản của cả chuỗi hoạt động logistics quốc tế và sự hỗ trợ tích cực của chiến lược thuê ngoài trong môi trường này. + Học phần cung cấp các kỹ năng phân tích, hoạch định và triển khai hoạt động logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Kỹ năng giải quyết các vấn đề, phối kết hợp và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. + Trang bị cho sinh viên có ý thức cố gắng trong học tập, trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu; có ý thức phấn đấu trở thành người am hiểu rộng và có kiến thức về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế.

2 Logistics trong thương mại điện tử (Logistics for e-commerce) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung: Sinh viên sau khi học xong học phần này được trang bị những kiến thức, nguyên lý và kỹ năng cơ bản về quản trị logistics trong thương mại điện tử, với những công cụ, mô hình & quá trình tác nghiệp chuyên biệt của môi trường kinh tế mạng.

Mục tiêu cụ thể: + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, cấu trúc và nội dung của logistics trong thương mại điện tử, nắm các quá trình cơ bản kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các nhà cung cấp và các khách hàng trong nền kinh tế mạng. + Sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức lý thuyết để giải thích và đánh giá được các tình thế quản trị logistics TMĐT. + Đảm bảo hình thành cho sinh viên thái độ trách nhiệm với công việc được giao, đáp ứng chuẩn mực đạo đức cần thiết trong hoạt động logistics TMĐT.

3 Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế (International Forwarding and Transportation Management) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hoá quốc tế. Trên cơ sở tìm hiểu về các phương thức giao nhận vận chuyển, người

học có thể liên hệ, vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã được học vào quá trình liên quan đến các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức và giám sát điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hoá quốc tế.

Bên cạnh đó, học phần hướng đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, phản biện, giải quyết vấn đề liên quan hoạt động giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế. Đồng thời, người học được rèn luyện một số năng lực số cơ bản theo Khung năng lực số quốc gia, bao gồm: tìm kiếm và đánh giá thông tin trên môi trường số; sử dụng hiệu quả các công cụ trực tuyến và ngoại tuyến đến tạo lập chứng từ vận tải, tính toán cước phí; sử dụng công nghệ AI để hỗ trợ ra quyết định trong việc giải quyết tình huống quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa. Điều này đảm bảo người học có thể nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc số hóa tại doanh nghiệp.

4 Đàm phán Thương mại quốc tế (International trade negotiation) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

The course equips learners with in-depth knowledge, practical skills and strategic thinking about international trade negotiations in the context of globalization, international economic integration and digital transformation. Learners clearly understand the nature, role, principles and influencing factors of international trade negotiations; Master strategies, tactics and negotiation techniques appropriate to the cultural context, institutions and characteristics of partners in different regions of the world; Master the process of negotiating and signing international trade contracts and agreements, from preparation, negotiation, making minutes to evaluating effectiveness; Practice communication skills, critical thinking, situation handling and decision making in a multicultural and multilateral environment; Develop the ability to apply digital technology, online platforms and artificial intelligence (AI) to analyze, simulate and support the negotiation process.

2.3 Kiến thức chuyên ngành

1 Địa lý và Hạ tầng vận tải (Geography and transport infrastructure) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung : Sinh viên sau khi học xong học phần này được trang bị những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về địa lý vận tải và hạ tầng vận tải. Giúp người học hiểu được mối quan hệ giữa đặc điểm địa lý, điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng vận tải, cũng như vai trò của chúng đối với hoạt động vận tải và logistics; từ đó có khả năng vận dụng và đánh giá các yếu tố địa lý – hạ tầng vận tải vào quá trình triển khai hoạt động vận tải và logistics trong thực tiễn.

Mục tiêu cụ thể: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bản chất, vai trò và mối quan hệ giữa địa lý vận tải và hạ tầng vận tải.; Đảm bảo sinh viên có thể ứng dụng kiến thức lý thuyết để lập kế hoạch và triển khai các hoạt động vận tải và logistics trong các tình huống thực tế.; Đảm bảo hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm, đáp ứng chuẩn mực đạo đức cần thiết trong việc vận dụng các yếu tố địa lý – hạ tầng vận tải vào quá trình triển khai hoạt động vận tải và logistics.

2 Nghiệp vụ hải quan (Customs practice) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và năng lực thực hành nghiệp vụ hải quan trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số của ngành hải quan Việt Nam. Cụ thể người học sẽ hiểu rõ cơ sở pháp lý, vai trò và mô hình tổ chức của Hải quan Việt Nam, trong mối liên hệ với các chuẩn mực của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO); nắm vững quy trình và kỹ thuật nghiệp vụ hải quan, bao gồm: thủ tục khai báo, xác định trị giá hải quan, tính

thuế XNK, kiểm tra – giám sát – thông quan; Nắm được nguyên tắc và công cụ quản lý rủi ro, hoạt động đại lý hải quan và hải quan điện tử; Rèn luyện kỹ năng sử dụng hệ thống phần mềm khai báo hải quan, phân tích dữ liệu và mô phỏng quy trình thông quan điện tử; Phát triển năng lực số, kỹ năng làm việc nhóm, phản biện và giải quyết tình huống nghiệp vụ thực tế, hướng tới tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ và minh bạch trong hoạt động thương mại quốc tế.

3 Quản lý vận tải đa phương thức (Multimodal Transportation Management) -Tiếng Việt- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung : Học phần Quản lý vận tải đa phương thức nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức hệ thống, kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị hiện đại trong tổ chức và điều hành hoạt động vận tải kết hợp nhiều phương thức. Thông qua học phần, sinh viên hiểu rõ bản chất, mô hình, quy trình và công nghệ của vận tải đa phương thức; biết cách thiết kế, kiểm soát, tối ưu hóa các phương án vận tải phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số của ngành logistics.

Mục tiêu cụ thể:

- Sinh viên trình bày và phân tích được khái niệm, đặc điểm, vai trò và lợi ích của vận tải đa phương thức trong chuỗi cung ứng toàn cầu; hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, quy trình và mô hình tổ chức vận tải đa phương thức tại doanh nghiệp logistics.
- Sinh viên có kỹ năng hoạch định, tổ chức, kiểm soát và đánh giá hoạt động vận tải đa phương thức; phân tích và giải quyết vấn đề trong quản lý vận tải đa phương thức, sử dụng hiệu quả công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ ra quyết định.
- Sinh viên được rèn luyện để có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm nói chung, có trách nhiệm cao trong việc tuân thủ các quy tắc về an toàn, an ninh và áp dụng các giải pháp bền vững trong quản lý vận tải đa phương thức.

4 Tổ chức xếp dỡ hàng hóa (Cargo Handling) -Tiếng Anh- 3TC (36,18)

Mục tiêu chung: Sinh viên sau khi học xong học phần này được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kỹ thuật, quy trình và tổ chức xếp dỡ hàng hóa trong hệ thống kho bãi; có khả năng phân tích, lựa chọn, vận hành các thiết bị xếp dỡ, xây dựng quy trình xử lý các loại hàng hóa đặc thù và đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn, an ninh và bền vững trong hoạt động xếp dỡ, đặc biệt là tại các điểm trung chuyển quan trọng giữa các phương tiện vận tải; có đầy đủ các kỹ năng tổ chức và giám sát tác nghiệp cần thiết để làm việc ở bộ phận vận hành, quản lý xếp dỡ tại các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng hoặc các doanh nghiệp dịch vụ logistics, khai thác cảng, bãi và kho bãi.

Mục tiêu cụ thể

Sinh viên có kiến thức căn bản, cập nhật và mở rộng về tổ chức, quy trình và kỹ thuật tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa tại kho bãi và các điểm trung chuyển trong chuỗi cung ứng. Đảm bảo kiến thức chuyên sâu và kiến thức thực tiễn về cơ giới hóa, tự động hóa, xử lý các loại hình hàng hóa đặc thù (container, hàng rời, hàng nguy hiểm) và các nguyên tắc an toàn, an ninh trong công tác xếp dỡ.

Sinh viên có kỹ năng phân tích, thiết kế và tổ chức vận các hoạt động xếp dỡ, bao gồm cả việc xây dựng quy trình xử lý hàng hóa đặc thù và đánh giá hiệu suất xếp dỡ. Lựa chọn và ứng dụng hệ thống thiết bị (hoạt động theo chu kỳ và liên tục, tự động hóa) phù hợp với loại hình hàng hóa và quy mô tác nghiệp.

Sinh viên được rèn luyện để có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm nói chung, có trách nhiệm cao trong việc tuân thủ các quy tắc về an toàn, an ninh và áp dụng các

giải pháp bền vững trong hoạt động xếp dỡ hàng hóa.

5 Thực hành nghề nghiệp Quản lý vận tải đa phương thức (Professional practice in Multimodal Transportation Management) -Tiếng Việt- 3TC (0,90)

Mục tiêu chung: Học phần Thực tập nghề nghiệp Quản lý vận tải đa phương thức nhằm giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn hoạt động logistics và vận tải đa phương thức tại doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý nhà nước. Thông qua quá trình thực tập thực tế, sinh viên được trải nghiệm, quan sát, phân tích và tham gia vào các hoạt động nghiệp vụ logistics và vận tải, từ đó hình thành năng lực nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế trong ngành.

Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức: Học phần đào tạo cho sinh viên hiểu rõ đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quy trình và hoạt động thực tế của doanh nghiệp logistics hoặc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ vận tải đa phương thức; Vận dụng kiến thức chuyên môn để phân tích và đánh giá quy trình tổ chức vận tải, giao nhận, kho bãi, chứng từ và quản lý chuỗi cung ứng tại đơn vị thực tập; Nhận diện được các vấn đề phát sinh trong hoạt động vận tải đa phương thức và đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp.

Kỹ năng: Học phần đào tạo cho sinh viên các kỹ năng quan sát, thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thực tế trong hoạt động logistics – vận tải; Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng số và sử dụng AI và thuyết trình trong môi trường nghề nghiệp; hình thành năng lực tư duy phản biện, phát hiện và giải quyết vấn đề phát sinh trong tổ chức vận tải đa phương thức.

Mức tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp; có trách nhiệm đối với công việc, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc; có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

2.4 Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học

1 Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm (Intership project report) -Tiếng Việt/- 3TC (0,90)

Mục tiêu chung: Học phần Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức: Sinh viên có khả năng phân tích những tình huống thực tế dựa trên những kiến thức đã học, từ đó vận dụng những kiến thức đã học nhằm phát hiện những vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành Logistics và Xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp/tổ chức nơi thực tập. Sinh viên có thể tổng hợp, phân tích và vận dụng được các kiến thức lý thuyết kinh doanh quốc tế, logistics, xuất nhập khẩu liên quan đến hoạt động tại doanh nghiệp/tổ chức.

Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện vấn đề.

Mức tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp, có trách nhiệm đối với công việc, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

2 Thực tập và viết luận văn tốt nghiệp (Graduation thesis) -Tiếng Việt/- 7TC (0,210)

Mục tiêu chung: Học phần Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp trang bị cho sinh viên

những kiến thức thực tiễn về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; các kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá được các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức, khả năng phát hiện các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động của doanh nghiệp; Sinh viên có ý thức kỷ luật cao, khả năng đáp ứng chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị kinh doanh quốc tế và thực hiện các trách nhiệm được phân công với cộng đồng và xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

+ Về kiến thức: Sinh viên có khả năng phân tích những tình huống thực tế dựa trên những kiến thức đã học, từ đó vận dụng những kiến thức đã học nhằm phát hiện những vấn đề thực tế thuộc ngành/chuyên ngành đào tạo tại doanh nghiệp/tổ chức nơi thực tập. Sinh viên có thể tổng hợp, phân tích và vận dụng được các kiến thức lý thuyết kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế liên quan đến hoạt động tại doanh nghiệp/tổ chức.

+ Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện vấn đề.

+ Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp, có trách nhiệm đối với công việc, tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến và tự tin trong công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

---o0o---